

Số: 87/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 119/2026/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 74/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Thái Thị H, sinh năm 1994; nơi thường trú: Xóm A, xã N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số H, đường số D, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH A; địa chỉ: Số C, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu bà Thái Thị H trình bày:

Đầu năm 2014 có người đã sử dụng thông tin của bà Thái Thị H giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH A từ tháng 4/2014 đến tháng 08/2014, đóng bảo hiểm xã hội số 7414036359. Cùng thời gian đó, bà Thái Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q, địa chỉ: Số A, đường T, KCN S, phường D, thành phố Hồ Chí Minh khoảng từ 10/2013 đến tháng 7/2014 và không hề biết đến vụ việc trên. Do đó, bà H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2014 đến tháng 08/2014.

Bà H liên hệ Bảo hiểm xã hội cơ sở L- Thành phố Hồ Chí Minh nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà - Thái Thị H và Công ty TNHH A theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1.

Do đó, nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Thái Thị H và Công ty TNHH A vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Công ty TNHH A chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà H, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH A đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2014, người lao động lấy tên bà Thái Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414036359. Cùng thời gian đó, bà H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q từ 10/2013 đến tháng 7/2014. Như vậy, có cơ sở xác định người sử dụng thông tin cá nhân của bà H để làm việc tại Công ty TNHH A và đã sử dụng thông tin cá nhân của bà H để xác lập quan hệ lao động nên bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Thái Thị Hương T từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2014. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết với Công ty TNHH A vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét thấy, việc người lao động sử dụng chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung

thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 .

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH A trong giai đoạn từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2014 là người khác, không phải là bà H. Bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7414036359.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Thái Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thái Thị H với Công ty TNHH A (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414036359) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414036359 không phải là bà Thái Thị H, sinh năm 1994; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040194012656. Bà Thái Thị H được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7414036359.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Thái Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0018556 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Hà